

Số: 58 /GPMT-UBND

Đồng Nai, ngày 24 tháng 6 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 560/CV-TCT ngày 14 tháng 12 năm 2023, Văn bản số 359/CV-TCT ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa về việc chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ cấp Giấy phép môi trường cơ sở "Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Tân Phú" tại thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 289/TTr-STNMT ngày 12 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa, địa chỉ trụ sở chính: số 96 đường Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường tại thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Tân Phú.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600283394, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 11 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 08 tháng 7 năm 2021 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

- Giấy chứng nhận đầu tư số 47221000100, chứng nhận lần đầu ngày 26 tháng 3 năm 2007 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp.

1.4 Mã số thuế: 3600283394.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Tân Phú.

Ngành nghề được phép thu hút vào Khu công nghiệp như sau:

Stt	Tên ngành	Mã ngành kinh tế Việt Nam	Ghi chú
1	Lắp ráp thiết bị phụ tùng		
2	Chế biến nông lâm sản: chế biến gỗ, hạt điều, cà phê, chế biến đồ hộp từ rau quả	C10	
3	Sản xuất đồ uống	C11	
4	Sản xuất trang phục	C14	Không bao gồm công đoạn nhuộm
5	Sản xuất dây dáp xuất khẩu, sản phẩm da cao cấp	C15	
6	Sản xuất các sản phẩm từ cao su và nhựa (plastic)	C22	Không bao gồm sản xuất từ nguyên liệu là mủ cao su
7	Công nghiệp gốm sứ, vật liệu xây dựng cao cấp	C23	
8	Sản xuất cấu kiện, phụ kiện.	C25	Không bao gồm xi măng
9	Điện mặt trời	D35116	
10	Cung cấp nước	E36	
11	Thoát nước và xử lý nước thải	E37	
12	Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	G471	
13	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	G473	
14	Dịch vụ lưu trú	I55	
15	Dịch vụ ăn uống	I56	
16	Công nghệ thông tin	J62	

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích khu công nghiệp: 49,76 ha, trong đó: Diện tích đất xây dựng công trình hạ tầng, đất cây xanh, đất giao thông là 14,56 ha; diện tích đất công trình công nghiệp, đất công trình điều hành dịch vụ là 35,2 ha.

- Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm.

(Từ ngày 24 tháng 6 năm 2024 đến ngày 24 tháng 6 năm 2031).

Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 807/GXN-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2022 và Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước



số 345/GP-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa;
- Q. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Tân Phú;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 58 /GPMT-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động cán bộ công nhân viên vận hành trạm xử lý nước thải khu công nghiệp Tân Phú.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ các cơ sở thứ cấp trong khu công nghiệp Tân Phú.
- Nguồn số 03: Nước thải từ khu vực ép bùn.
- Nguồn số 04: Nước thải từ phòng thí nghiệm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông La Ngà.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
- Tọa độ vị trí điểm xả nước thải: X = 1246496; Y = 464428 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 107°75' múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1.800m³/ngày.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý theo ống HDPE DN400 dài 15m qua hệ thống quan trắc nước thải tự động của khu công nghiệp Tân Phú, sau đó tiếp tục theo cống HDPE DN400 dài khoảng 150m chảy vào hệ thống cống thoát nước chung của thị trấn Tân Phú trên đường Nguyễn Thị Định, dẫn bằng qua Quốc lộ 20 chảy về đập Đồng Hiệp, chảy vào nguồn tiếp nhận sau cùng là sông La Ngà.

- Hình thức xả: Xả mặt ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24/24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, $K_q = 1,0$ và $K_f = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	25 - 40	03 tháng/lần	Đã lắp đặt
2	pH	-	6 đến 9		Đã lắp đặt
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50		Đã lắp đặt

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
4	COD	mg/l	75		Đã lắp đặt
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		Đã lắp đặt
6	Độ màu	Pt - Co	50		
7	Tổng Nitơ	mg/l	20		
8	BOD ₅	mg/l	30		
9	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	4		
10	Asen	mg/l	0,05		
11	Thủy ngân	mg/l	0,005		
12	Chì	mg/l	0,1		
13	Cadimi	mg/l	0,05		
14	Crom (VI)	mg/l	0,05		
15	Crom (III)	mg/l	0,2		
16	Đồng	mg/l	2		
17	Kẽm	mg/l	3		
18	Niken	mg/l	0,2		
19	Mangan	mg/l	0,5		
20	Sắt	mg/l	1		
21	Tổng Xianua	mg/l	0,07		
22	Tổng Phenol	mg/l	0,1		
23	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5		
24	Sunfua	mg/l	0,2		
25	Florua	mg/l	5		
26	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	3.000		

Đối với các thông số còn lại theo Bảng 1 - QCVN 40:2011/BTNMT phải xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A ($K_q = 1,0$; $K_f = 1,0$).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động cán bộ công nhân viên

vận hành trạm xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Tân Phú (tương ứng với nguồn số 01) được qua bể tự hoại, thể tích 07m^3 sau đó đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp công suất $1.800\text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ các cơ sở thứ cấp trong khu công nghiệp Tân Phú (tương ứng nguồn số 02) được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp công suất $1.800\text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ khu vực ép bùn (tương ứng nguồn số 03) được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp công suất $1.800\text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý.

- Nước thải từ phòng thí nghiệm (tương ứng nguồn số 04) được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp công suất $1.800\text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Tân Phú: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể keo tụ - tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể Anoxic → Bể Aerotank (02 bể) → Bể lắng sinh học (02 bể → Bể khử trùng (01 bể) → Hệ thống trắc tự động nước thải → hệ thống thoát nước chung của thị trấn Tân Phú → Nguồn tiếp nhận (sông La Ngà).

- Công suất thiết kế: $1.800\text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này): PAC: 99 kg/ngày; Polymer Anion: 04 kg/ngày; Polymer Cation: 02 kg/ngày; Javen: 27 kg/ngày; NaOH: 18 kg/ngày; H_2SO_4 : 18kg/ngày; Methanol 40%: 350 kg/ngày.

1.3 Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Mương quan trắc.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), Nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: Có.

- Camera theo dõi: Đã lắp camera giám sát.

- Kết nối, truyền dữ liệu: Dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai để quản lý, giám sát.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Hồ sự cố có thể tích chứa nước = 1.571 m^3 .

- Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để theo dõi, giám sát một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý.

- Thường xuyên bảo trì các máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải, thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn định kỳ theo quy định đối với thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

- Trong quá trình hoạt động, trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, khi đó nước thải được bơm vào hồ sự cố để lưu chứa; sau khi khắc phục, hệ thống hoạt động ổn định, nước thải được bơm từ hồ sự cố về hệ thống để xử lý đáp ứng quy định trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Nhà máy xử lý nước thải của khu công nghiệp Tân Phú có công suất 1.800m³/ngày không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (đã được cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 807/GXN-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2022 và Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 345/GP-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của khu công nghiệp bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải sau xử lý phải đạt quy chuẩn quy định, tuyệt đối không xả nước thải chưa qua xử lý hoặc không đạt quy chuẩn ra môi trường; công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải, vị trí đầu nối nước thải vào nguồn tiếp nhận; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải trước và sau xử lý; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật, vận hành các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; thường xuyên theo dõi, kiểm tra độ an toàn, làm việc của thiết bị máy móc; bố trí đầy đủ máy móc, thiết bị dự phòng đảm bảo thay thế khi hệ thống xử lý gặp sự cố. Khi duy tu, bảo dưỡng hệ thống: nước thải được chứa vào hồ sự cố, sau khi khắc phục, nước thải phải được bơm về hệ thống xử lý để tiếp tục xử lý.

3.4. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các bể chứa nước thải đầu vào, đầu ra sau xử lý nhằm kịp thời phát hiện, khắc phục tránh nước thải thấm trực tiếp vào môi trường đất, nước dưới đất.

3.5. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải thường xuyên được nạo vét để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn, tách váng dầu trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

3.6. Theo dõi, kiểm soát hóa chất, vật liệu sử dụng trong vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải của cơ sở.

3.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.



Phụ lục 2

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 58 /GPMT-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do dự án không phát sinh khí thải tại nguồn, không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI

1. Có các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh đảm bảo quy chuẩn môi trường quy định.
2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả khí thải ra môi trường.





Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 58 /GPMT-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn số 01: Cụm máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: độ X = 1246484; Y = 464432. (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°):

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

1.2. Trồng và chăm sóc cây xanh tập trung, cây xanh cách ly xung quanh khu công nghiệp nhằm tạo khoảng cách ly giúp giảm thiểu sự lan truyền tiếng ồn ra môi trường xung quanh theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Kiểm tra độ mòn chi tiết định kỳ và bảo dưỡng, thay thế các thiết bị hư hỏng.



Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 58 /GPMT-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng dự kiến (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải của nhà máy xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp	12 06 05	20.000	KS
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	6	NH
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	20	NH
4	Bao bì mềm thải chứa hóa chất	18 01 01	50	KS
5	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	18 01 04	50	KS
6	Giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	10	KS
7	Hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải	19 05 02	8	NH
Tổng khối lượng			20.153	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng dự kiến (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Hộp mực in văn phòng	08 02 08	2	TT-R
2	Bùn hút hầm cầu, bể tự hoại	12 08 08	500	TT-Bùn
Tổng khối lượng			502	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng dự kiến (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	2
Tổng khối lượng		2

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh

hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. *Thiết bị lưu chứa:* Trang bị thùng nhựa và thùng kim loại có nắp đậy; có dán nhãn cảnh báo nguy hại, mã chất thải nguy hại.

2.1.2. *Khu lưu chứa chất thải nguy hại:*

- Diện tích khu lưu chứa: 14 m².

- Thiết kế, cấu tạo khu lưu chứa: Có tường bao quanh, mái che, nền bê tông theo quy định; có rãnh thu gom, hố thu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. *Thiết bị lưu chứa:* Trang bị thùng nhựa có nắp đậy, thể tích 90 lít có dán nhãn, định kỳ chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý. Đối với bùn hút hầm cầu, bể tự hoại, Công ty sẽ thuê đơn vị có chức năng đến để hút hầm cầu, thu gom, vận chuyển, xử lý đúng theo quy định.

2.2.2. *Khu vực lưu chứa:* Không bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. *Thiết bị lưu chứa:* Thùng nhựa chuyên dụng loại 90 lít, 200 lít có nắp đậy, đặt tại khu vực trạm xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Tân Phú.

2.3.2. *Khu vực lưu chứa:* Không bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, phân loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

1. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn TCVN 6707:2009 về dấu hiệu cảnh báo chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều.

2. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.



Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 58 /GPMT-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực phù hợp theo quy định pháp luật.

4. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Trồng cây xanh, thảm cỏ đảm bảo tỷ lệ theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật về xây dựng.

6. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định.

7. Việc thu hút, sắp xếp, bố trí các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp theo ngành nghề thu hút đầu tư trong khu công nghiệp phải đảm bảo thực hiện theo đúng quy hoạch phân khu chức năng của khu công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

8. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Phú, Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp và các cơ quan có liên; đồng thời thực hiện đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.